TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/DS-ST
Ngày: 11-5-2022
V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông K’ My Na

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chung;
2. Ông Đào Duy Trâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Giáp Thị Thu Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà*:** Bà My La - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2021 về "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXX-ST ngày 11 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST- DS ngày 15-3-2022 và Thông báo hoãn phiên tòa số 46/2021/TB-TA ngày 07-4-2022 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị X , sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn 9, xã T , huyện D , tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền ông Lê Thanh D , sinh năm 1967

Địa chi:: Số 11 Lam Sơn, phường L , thành phố B , tỉnh Lâm Đồng.

(Văn bản ủy quyền ngày 03-11-2021)

+ Bị đơn: Vợ chồng ông K’ B , sinh năm 1970

Bà Ka H , sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 13 thôn 1, xã T , huyện D , tỉnh Lâm Đồng

Ông D có mặt, vợ chồng ông B , bà H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa Ông D đại diện theo ủy quyền nguyên đơn: Ngày 01-01-2016 ông K' B có bán cà phê nhân cho bà X và có ứng trước số tiền 121.412.000đ nhưng chưa giao cà phê, ông K' B thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng, hẹn đến ngày 30-12-2017 thanh toán trả. Trong quá trình mua bán đến ngày 01-01-2018 ông K' B mới chỉ giao 250,5 kg cà phê nhân khô giá 37.000đ/kg thành tiền 9.268.000đ. Hiện nay ông Bêm còn nợ của bà X số tiền 112.144.000đ.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc vợ chồng ông K' B trả số tiền nợ gốc 112.144.000đ và tiền lãi tính từ ngày 01-01-2016 đến ngày 01-01-2018 là 24 tháng, với mức lãi suất 1,66%/ tháng thành tiền 48.370.540đ và tiền lãi quá hạn tính từ ngày 02-01-2018 đến ngày 02-11-2021 là 52 tháng, với mức lãi suất 1,66%/ tháng thành tiền 96.802.700đ. Tổng cộng cả gốc và lãi làm tròn 257.317.000đ.

Tài liệu chứng cứ chứng minh: Giấy kẻ ngang cắt ra từ sổ ghi chép các cột ghi số tiền còn nợ có chữ ký ghi họ tên K' Bêm.

+ Bị đơn vợ chồng ông B , bà H vắng mặt tuy nhiên tại bản tự khai ngày 23-12- 2021 vợ chồng ông B , bà H trình bày: Ngày 01-4-2016 vợ chồng ông, bà có nợ của bà X tiền phân là 80.000.000đ. Nay bà X khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền góc 112.144.000đ và tiền lãi thì không đồng ý, chỉ đồng ý trả số tiền gốc 80.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Phía bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân buộc vợ chồng ông K' B , Bà Ka H có trách nhiệm trả cho Bà Hoàng Thị X số tiền còn nợ gốc và lãi 257.317.000đ.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn vợ chồng ông B , bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Bà Hoàng Thị X , Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ giấy kẻ ngang cắt ra từ sổ ghi chép các cột ghi số tiền còn nợ có ông K' B ký xác nhận mà bà X và Ông D đại diện theo ủy quyền giao nộp thì thể hiện tính đến ngày 01-01-2016 hai bên chốt nợ ông K' B còn nợ số tiền 121.412.000đ. Thời hạn trả 30-12-2017 và thỏa thuận lãi 3%/ tháng. Trong quá trình mua bán đến ngày 01-01-2018 ông K' B mới chỉ giao 250,5 kg cà phê nhân khô giá 37.000đ/kg thành tiền 9.268.000đ trừ vào tiền gốc. Hiện nay vợ chồng ông Bêm còn nợ của bà X số tiền 112.144.000đ. Vợ chồng ông B , bà H vắng mặt tuy nhiên tại bản tự khai. 23-12- 2021 vợ chồng ông B , bà H trình bày: Ngày 01-4-2016 vợ chồng ông, bà có nợ của bà X tiền phân là 80.000.000đ. Nay bà X khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền gốc là 112.144.000đ và tiền lãi thì không đồng ý, chỉ đồng ý trả số tiền gốc 80.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật. tuy nhiên không có tài liệu chứng cứ chứng minh, trong khi đó Ông D đại diện theo ủy quyền nguyên đơn không thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến trình bày của vợ chồng ông B , bà H . Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định việc vợ chồng ông B , bà H còn nợ của Bà Hoàng Thị X số tiền 112.144.000đ là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Bà Hoàng Thị X và ông Lê Thanh D đại diện theo ủy quyền yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 01-01-2016 đến ngày 01-01-2018 là 24 tháng, với mức lãi suất 1,66%/ tháng thành tiền 48.370.540đ và tính lãi quá hạn từ ngày 02-01-2018 đến ngày 02-5-2022 là 52 tháng với mức lãi suất 1.66% thành tiền 96.802.700đ. Xét yêu cầu tính lãi là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận yêu cầu tính lãi của Ông D đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là phù hợp.

[4] Từ phân tích trên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Hoàng Thị X , buộc vợ chồng ông K' B , Bà Ka H có nghĩa vụ trả cho Bà Hoàng Thị X trả số tiền gốc và lãi 257.317.000đ.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn vợ chồng ông B , bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 257.317000đ x 5% = 12.865.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án .

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Hoàng Thị X về việc khởi kiện *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản"*.

Buộc vợ chồng ông K' B , Bà Ka H có trách nhiệm trả cho Bà Hoàng Thị X số tiền 257.317.000đ (Hai trăm năm mươi bảy triệu ba trăm mười bảy nghìn đồng). Trong đó tiền gốc 112.144.000đ, tiền lãi 145.172.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ của số tiền còn phải thi hành án thì phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015

2. Về án phí: Vợ chồng ông K' B , Bà Ka H phải chịu 12.685.000đ án phí DSST.

Hoàn trả cho Bà Hoàng Thị X số tiền 6.153.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006332 ngày 29-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

K' My Na